Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8459.41.00

Mã HS	8459.41.00
Mô tả hàng hóa	Máy công cụ (kể cả đầu gia công tổ hợp có thể di chuyển được) dùng để khoan, doa, phay, ren hoặc ta rô bằng phương pháp bóc tách kim loại, trừ các loại máy tiện (kể cả trung tâm gia công tiện) thuộc nhóm 84.58 / - Máy doa khác: / - - Điều khiển số
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	05/11/2026 17:45:19
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84594100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14119
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14119
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14119
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13450
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13391
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13391
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13391
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13391
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13391
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13391
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13445
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13445

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13445
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13445
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13445
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13445
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13446
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13446
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13446
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13446
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13446
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13446
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13449
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13397
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13405
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13405
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13405
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13405
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13405
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13405
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13436
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13436
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13436
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13436
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13436
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13436
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13485
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13485

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13485
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13485
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13485
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13485
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13468
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13468
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13468
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13468
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13468
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13468
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13468
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13468
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13468
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13468
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13468
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13468
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13483
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13483
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13483
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13483
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13483
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13483
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13482
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13482
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13482
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13482

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13482
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13482
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13462
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13462
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13462
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13462
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13462
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13462
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13462
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13470
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13470
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13470
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13470
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13470
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13470
RCEP B	2022	2022	0	B!D13470
RCEP B	2023	2023	0	B!E13470
RCEP B	2024	2024	0	B!F13470
RCEP B	2025	2025	0	B!G13470
RCEP B	2026	2026	0	B!H13470
RCEP B	2027	2027	0	B!I13470
RCEP C	2022	2022	0	C!D13470
RCEP C	2023	2023	0	C!E13470
RCEP C	2024	2024	0	C!F13470
RCEP C	2025	2025	0	C!G13470
RCEP C	2026	2026	0	C!H13470

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I13470
RCEP D	2022	2022	0	D!D13469
RCEP D	2023	2023	0	D!E13469
RCEP D	2024	2024	0	D!F13469
RCEP D	2025	2025	0	D!G13469
RCEP D	2026	2026	0	D!H13469
RCEP D	2027	2027	0	D!I13469
RCEP E	2022	2022	0	E!D13473
RCEP E	2023	2023	0	E!E13473
RCEP E	2024	2024	0	E!F13473
RCEP E	2025	2025	0	E!G13473
RCEP E	2026	2026	0	E!H13473
RCEP E	2027	2027	0	E!I13473
RCEP F	2022	2022	0	F!D13470
RCEP F	2023	2023	0	F!E13470
RCEP F	2024	2024	0	F!F13470
RCEP F	2025	2025	0	F!G13470
RCEP F	2026	2026	0	F!H13470
RCEP F	2027	2027	0	F!I13470
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12497
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12497
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12497
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12497

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8459.41.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8459.41.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14119), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.